

BIẾN ĐỔI DÂN SỐ VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

NGUYỄN ĐÌNH CỬ*

Các cuộc Tổng điều tra dân số năm 1979 và 2009 cho thấy, trong 30 năm qua, "bức tranh dân số" nước ta đã thay đổi nhanh chóng. Quy mô dân số tăng lên 1,63 lần, tỷ lệ những người trong độ tuổi từ 15 đến 64 (độ tuổi tích cực hoạt động kinh tế) đã tăng từ 52,28% lên 68,32%. Câu hỏi đặt ra là: Những biến đổi dân số này tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế trong quá khứ và tương lai?

Nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi nói trên. Kết quả nghiên cứu chỉ rõ: từ 1989 đến 1999, do tỷ lệ tăng dân số giảm, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng đã đóng góp vào tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 0,83%. Tương tự, giai đoạn 1999-2009 là 1,19%, nhưng sau 2010, do già hóa dân số tác động này là âm. Từ đó cho thấy vai trò quyết định của năng suất lao động đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

1. Bàn về các định nghĩa “Tăng trưởng kinh tế”

Tổng sản phẩm quốc nội (*Gross Domestic Products*, GDP) được chấp nhận rộng rãi là thước đo kết quả hoạt động của một nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm. Do vậy, tăng trưởng kinh tế cũng được định nghĩa theo cách thứ nhất là *sự gia tăng của GDP* và theo cách thứ hai là *sự gia tăng của GDP bình quân đầu người*. Sự gia tăng này được thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô thể hiện tăng nhiều hay ít còn tốc độ thể hiện tăng nhanh hay chậm (E. Wayne Nafziger, 1998; Nguyễn Văn Công và cộng sự, 2010; Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Dung và cộng sự, 2010).

Ký hiệu: Y_{t-1} , Y_t lần lượt là tổng sản phẩm quốc nội năm $t-1$ và năm t ;

P_{t-1} , P_t là số dân năm $t-1$ và năm t thì theo định nghĩa thứ nhất tốc độ tăng trưởng, ký hiệu g và được xác định bởi công thức:

$$g = \frac{Y_t - Y_{t-1}}{Y_{t-1}} \quad (1)$$

Theo định nghĩa thứ hai, tốc độ tăng trưởng, ký hiệu r và được xác định bởi công thức:

$$r = \frac{Y_t/P_t - Y_{t-1}/P_{t-1}}{Y_{t-1}/P_{t-1}} \quad (2)$$

* GS.TS, Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Đại học kinh tế quốc dân

Cả công thức (1) và (2) đều được dùng để tính toán tốc độ tăng trưởng kinh tế tương ứng với các định nghĩa nói trên nhưng sự khác nhau của hai thước đo này lại ít phân tích. Thật ra, hai định nghĩa này có những điểm khác biệt:

- Thứ nhất, công thức (1) chỉ bao gồm yếu tố Y, tức là GDP, nghĩa là chỉ có kết quả hoạt động thuần túy kinh tế, tăng trưởng không liên quan trực tiếp đến sự biến đổi *tổng dân số*. Trong khi đó, công thức (2) bao gồm cả Y và P, tức là bao gồm không những kết quả hoạt động kinh tế mà còn cả kết quả hoạt động dân số.

- Thứ hai, các giá trị g và r nói chung là khác nhau, thậm chí đôi khi xảy ra trường hợp, tốc độ tăng trưởng kinh tế tính theo (1) có kết quả tăng trưởng dương ($g > 0$) nhưng tính theo công thức (2) lại thu được kết quả tăng trưởng âm ($r < 0$).

Nói cách khác, ưu điểm của công thức (1) là phản ánh kết quả của hoạt động thuần túy kinh tế nhưng một yếu điểm của định nghĩa này là đôi khi có tăng trưởng kinh tế dương nhưng không kèm theo nâng cao mức sống người dân, thậm chí, mức sống giảm xuống, nếu tốc độ tăng dân số cao hơn tốc độ tăng GDP. Điều này đã xảy ra ở Việt Nam, giai đoạn (1976-1980) như số liệu Bảng 1.

Trong giai đoạn này, hàng năm Tổng sản phẩm xã hội (TSPXH) bình quân tăng 1,4%, nghĩa là, theo định nghĩa 1, tăng trưởng kinh tế dương nhưng dân số tăng 2,22%, do đó, TSPXH bình quân đầu người hàng năm giảm khoảng -0,8%, nghĩa là mức sống nói chung giảm xuống.

Bảng 1: Biến đổi dân số và TSPXH Việt Nam (1976-1980)

Chỉ tiêu	1976	1980	Tốc độ tăng %
TSPXH (triệu đồng)	206.196	218.070	1,4
Dân số (triệu người)	49,160	53,722	2,22
TSPXH bình quân (đồng)	4.194	4.059	-0,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2004.

Ưu điểm của công thức (2) là thống nhất được tăng trưởng kinh tế với cải thiện mức sống nhân dân. Nhưng nhược điểm của công thức này là phản ánh không chỉ kết quả hoạt động kinh tế mà cả những hoạt động dân số. Do vậy, cần đánh giá tác động của nhân tố dân số đến tăng trưởng kinh tế.

2. Biến đổi quy mô, cơ cấu dân số và tăng trưởng kinh tế

Để tính tỷ lệ tăng trưởng kinh tế theo công thức (2), cần phải tính Y/P. Vai trò của dân số trong tăng trưởng kinh tế xuất phát từ tính chất đơn giản của phân số: *Nếu Y tăng lên k lần thì Y/P cũng tăng lên k lần, nếu P tăng k lần thì Y/P giảm k lần*. Tốc độ tăng/giảm của Y và P có tác động như nhau nhưng theo hướng khác nhau đến giá trị của Y/P. Rõ ràng, tác động của kết quả hoạt động dân số đến tăng trưởng lớn đến mức tương đương với kết quả hoạt động kinh tế. Tính chất này có những biểu hiện cụ thể như sau:

(1) *Tỷ lệ tăng quy mô dân số và tăng trưởng kinh tế*

Ký hiệu: \tilde{y} là GDP bình quân đầu người, $\tilde{y} = Y/P$, dễ dàng chứng minh được rằng:

$$\text{Tỷ lệ gia tăng GDP bình quân đầu người} \approx \text{Tỷ lệ gia tăng GDP} - \text{Tỷ lệ gia tăng dân số} \quad (3)$$

Công thức (3) cho thấy:

- Nếu dân số không suy giảm thì tỷ lệ tăng trưởng tính theo công thức (1) luôn lớn hơn tỷ lệ tăng trưởng tính theo công thức (2)

- Để tăng được chỉ tiêu GDP bình quân đầu người thì Tổng sản phẩm quốc nội phải tăng nhanh hơn sự tăng dân số. Đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế, việc giảm 1% tỷ lệ gia tăng dân số cũng có giá trị tương đương như tăng 1% GDP. Điều này cho thấy ý nghĩa, hiệu quả của chính sách kế hoạch hóa gia đình.

- Các nước nghèo, vùng nghèo thường có tỷ lệ tăng dân số cao, làm giảm mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các nước giàu, vùng giàu thì ngược lại. Điều này góp phần làm cho khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn.

(2) Tác động của cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế, có thể thiết lập công thức sau:

- Sử dụng lại ký hiệu: Y là tổng sản phẩm quốc nội (GDP); P là số dân; \tilde{y} là GDP bình quân đầu người ($\tilde{y} = Y/P$)

- Ký hiệu: L là dân số trong độ tuổi lao động. (L/P là tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động, phản ánh cơ cấu dân số theo tuổi); y là năng suất lao động, đo bằng $y = Y/L$

Ta có biểu thức sau: $\tilde{y} = Y/P = Y/L \times L/P$

$$\tilde{y} = y \times L/P$$

$$\Rightarrow g_{\tilde{y}} = g_y + g_L - g_P$$

Trong đó: $g_{\tilde{y}} =$ Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người

$g_y =$ Tốc độ tăng năng suất lao động

$g_L =$ Tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động

$g_P =$ Tốc độ tăng dân số

$$\text{Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người} \approx \text{Tốc độ tăng năng suất lao động} + \text{Tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động} - \text{Tốc độ tăng dân số} \quad (4)$$

Công thức (4) vừa phản ánh tác động của biến đổi cơ cấu dân số theo tuổi, vừa phản ánh cả biến đổi quy mô dân số đến tăng trưởng kinh tế. Như vậy, ít nhất có hai chỉ tiêu dân số tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế (theo định nghĩa thứ hai). Nếu mức sinh năm nay cao thì khoảng 15 năm sau số lượng lao động sẽ lớn. Do vậy, tốc độ tăng dân số có thể hoàn toàn khác tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động. Nếu trong thời kỳ nào đó, dân số tăng chậm, lao động tăng nhanh thì thời kỳ đó thuận lợi nhất cho sự tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, khi số người trong độ tuổi lao động tăng lên tới mức gấp đôi số người ngoài độ tuổi lao động, hay tỷ lệ người trong độ tuổi lao động tăng tới khoảng 66-67% trở lên, người ta nói rằng đó là cơ cấu dân số “vàng”.

3. 3. Tác động của biến đổi quy mô, cơ cấu dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

Trong khoảng 30 năm qua, quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam biến động mạnh, qua bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam, thời kỳ 1979-2009

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Cơ cấu dân số theo tuổi (%)		
		0-14	15-64	≥ 65
1979	52,7	42,55	52,77	4,68
1989	64,4	39,2	56,1	4,7
1999	76,3	33,1	61,1	5,8
2009	85,8	25,0	68,4	6,6

Nguồn: Ban chỉ đạo Tổng điều tra Dân số, 1983

Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010.

Dựa vào công thức (4) hoàn toàn có thể tính được đóng góp của nhân tố dân số đối với tăng trưởng kinh tế từng giai đoạn của thời kỳ (1979-2009). Để dự báo tác động này trong tương lai xa hơn, cần tiến hành dự báo dân số. Dựa trên kết quả Tổng điều tra dân số 2009, sử dụng phần mềm Spectrum 3.1, với một số giả thiết, dự báo dân số giai đoạn 2010-2059 đã được thực hiện như sau:

Giả thiết của Dự báo

- Không tính đến di cư quốc tế
- Số liệu đầu vào năm gốc: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009
- Lựa chọn tham số phục vụ Dự báo: Tỷ suất sinh thô (CBR): 17.8 phần ngàn (mức trung bình). Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR): chọn mô hình Châu Á. Tuổi thọ trung bình năm 2059: Nam = 78; Nữ = 82. Tỷ lệ dân đô thị 2059 = 70%.
- Model bảng sống: Custom. Lựa chọn mô hình gần đúng với thực tế Việt Nam nhất.

Dự báo được thực hiện với ba phương án ứng với 3 giả thiết về mức sinh năm 2059. Phương án 1 ứng với Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ tính đến hết tuổi sinh đẻ, ký hiệu TFR) là 1,8. Phương án 2 ứng với TFR = 1,6 và phương án 3 ứng với TFR = 1,4.

Áp dụng công thức (4) có thể tính được tác động của biến đổi quy mô và cơ cấu dân số đối với tăng trưởng kinh tế trong bảng 3, ứng với phương án 2 của dự báo. Phương án này cũng cho thấy thời kỳ cơ cấu dân số “vàng” của nước ta bắt đầu vào năm 2006 và kết thúc vào năm 2047, nghĩa là kéo dài khoảng 42 năm.

Bảng 3: Biến đổi dân số và dân số trong độ tuổi lao động (1989-2059)

Năm	1979	1989	1999	2009	2019	2029	2039	2049	2059
(1) Dân số (triệu)	52,7	64,4	76,6	85,79	94,96	101,52	105,25	106,18	104,08
(2) Tỷ lệ tăng dân số (%)	-	2,1	1,7	1,1	1,0	0,7	0,36	0,09	- 0,2
(3) Số lao động (triệu)	27,81	36,230	46,66	58,65	66,13	70,14	71,84	70,30	66,43
(4) Tỷ lệ tăng lao động (%)	-	2,65	2,53	2,29	1,2	0,5	0,24	-0,2	-0,6
(5) Tác động									
(5) = (4) - (2)	-	0,55	0,83	1,19	0,2	-0,2	-0,12	-0,29	-0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu Bảng 2 và Nguyễn Đình Cử, 2009.

Từ số liệu bảng 3, có thể nhận xét như sau:

- Giai đoạn 1979-1989, lao động tăng nhanh, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế hàng năm tới 2,65% nhưng dân số cũng tăng mạnh, tới 2,1% nên đóng góp của dân số nói chung chỉ còn 0,55%.

- Giai đoạn 1989-1999, tốc độ tăng lao động hàng năm đã bắt đầu giảm, tuy nhiên tốc độ tăng dân số giảm nhanh hơn nên dân số đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế 0,83%/năm.

- Giai đoạn 1999- 2009, tốc độ tăng lao động hàng năm tiếp tục giảm, tuy nhiên vẫn cao ở mức 2,29% nhưng tốc độ tăng dân số giảm mạnh, chỉ còn 1,1%, nên dân số đã đóng góp cho tăng trưởng kinh tế tới 1,19%/năm. Đây là mức đóng góp lớn nhất trong quá khứ cũng như trong tương lai

- Từ giai đoạn 2009 -2019 trở đi, đóng góp của biến đổi dân số cho tăng trưởng kinh tế không đáng kể, thậm chí sau năm 2020 là âm. Điều này là do tốc độ tăng lao động giảm mạnh (kết quả giảm sinh từ những năm 1995 trở lại đây). Vì vậy, sau thời điểm này, tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào năng suất lao động. Do đó, về dài hạn, nâng cao năng suất lao động là giải pháp quyết định cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Từ Bảng 3, có thể thấy rằng trong 40 năm (1979-2019), biến đổi quy mô và cơ cấu dân số đã đóng góp 27,7% vào tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Các tỷ lệ này ở Nhật Bản là 10%, Trung Quốc 16%, Hàn Quốc 36%, Singapore 51% cũng cho thời khoảng 40 năm, từ 1965 đến 2005 (David E. Bloom và Jocelyn E. Finlay, 2009; 172).

Kết luận và khuyến nghị

(1) Hai định nghĩa về tăng trưởng kinh tế và các công thức tính tốc độ tăng trưởng kinh tế có sự khác biệt đáng kể cả về chất (*theo nghĩa các yếu tố tham gia trong định nghĩa và tính toán*) và về lượng (*theo nghĩa tốc độ tăng trưởng kinh tế khác nhau khi tính bằng công thức (1) và công thức (2)*). Theo định nghĩa thứ hai thì cả trên phương diện lý thuyết và thực tế đều cho thấy biến đổi dân số có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong các sách giáo khoa và các công trình nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế còn ít chú ý đến yếu tố này.

Vì vậy, khi nghiên cứu tăng trưởng cần nói rõ dựa theo định nghĩa nào, công thức nào để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế, cần tăng cường nghiên cứu vai trò của biến đổi dân số đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong hoàn cảnh dân số nước ta lớn, mật độ cao, cơ

cấu biến đổi nhanh. Các hàm sản xuất Cobb-Douglas “truyền thống” thường chỉ tương ứng với công thức (1). Vì vậy, vẫn cần “hàm sản xuất Cobb-Douglas” tương ứng với công thức (2) mặc dù thật đơn giản để thiết lập một hàm như vậy.

(2) Trong 40 năm (1979-2019) tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã được hưởng nhiều lợi thế do biến đổi dân số mang lại. Đó là quá trình tăng dân số chậm lại và tốc độ tăng dân số trong độ tuổi hoạt động kinh tế cao. Đóng góp này ước lượng khoảng 27,7%. Tuy nhiên, sau năm 2019 tác động tổng hợp của biến đổi dân số đối với tăng trưởng kinh tế là âm. Do vậy, cần khai thác hiệu quả các yếu tố như: nhân lực, vốn, tài nguyên, công nghệ, nâng cao trình độ quản lý,... nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững.

(3) Trong 40 năm tới, tuy tốc độ tăng dân số trong độ tuổi lao động ở nước ta giảm dần nhưng số lượng vẫn lớn, chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số, tỷ số phụ thuộc thấp (cơ cấu dân số “vàng”) có thể nâng cao tiết kiệm, thúc đẩy đầu tư tăng trưởng kinh tế.

Do đó, cần chủ động xây dựng chính sách triệt để tận dụng cơ hội, lợi thế do cơ cấu vàng mang lại, cụ thể là: Tạo mọi điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển việc làm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động và tăng xuất khẩu.

(4) Lực lượng lao động của nước ta đông nhưng tỷ lệ được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật rất thấp (13,6% năm 2009). Vì vậy, cần huy động, khuyến khích mọi lực lượng xã hội tham gia giáo dục, đào tạo; đặc biệt là đào tạo nghề nhằm góp phần dịch chuyển cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tăng trưởng kinh tế có chất lượng và bền vững.

Tài liệu trích dẫn

- Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. 1983. Dân số Việt Nam 1-10-1979, Hà Nội.
- Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. 2010. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội.
- Bộ Y tế và Quỹ Dân số LHQ. 2009. Quá độ dân số và phát triển kinh tế xã hội (tài liệu dịch), Hà Nội.
- Central census steering committee. 2000. 1999 population and housing census: Sample results. The gioi publishers, Hanoi.
- E.Wayne Nafziger. 1998. Kinh tế học của các nước đang phát triển. NXB Thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Cử, Hà Tuấn Anh. 2009. Thay đổi cấu trúc dân số và dự báo giai đoạn cơ cấu dân số “vàng” ở Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về biến đổi cơ cấu dân số, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Công (Chủ biên). 2010. Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô. NXB Lao động, Hà Nội.
- Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Dung (Đồng chủ biên). 2010. Giáo trình Kinh tế phát triển. NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2004. Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX. NXB Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 1991. Tổng điều tra dân số Việt Nam -1989. Phân tích kết quả điều tra mẫu, Hà Nội.